

Số thập phân và ứng dụng đọc thông số trên nhãn thực phẩm

Chào các em học sinh! Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu một chủ đề rất thú vị và gần gũi với cuộc sống hàng ngày: sử dụng kiến thức về số thập phân để đọc và hiểu các thông tin trên nhãn mác của những món ăn, đồ uống mà chúng ta sử dụng. Việc này không chỉ giúp các em giỏi Toán hơn mà còn biết cách lựa chọn thực phẩm tốt cho sức khỏe!

I. Kiến thức cần nhớ về Số thập phân

Trước khi đi vào phần ứng dụng, chúng ta hãy cùng ôn lại những kiến thức cơ bản nhất về số thập phân nhé.

1. Khái niệm và cấu tạo số thập phân

Số thập phân là số gồm hai phần: phần nguyên và phần thập phân, được ngăn cách bởi dấu phẩy.

- **Phần nguyên:** Nằm bên trái dấu phẩy.
- **Phần thập phân:** Nằm bên phải dấu phẩy.

Cấu trúc: Phần nguyên , Phần thập phân

Chữ số đầu tiên sau dấu phẩy thuộc hàng phần mười, chữ số tiếp theo thuộc hàng phần trăm, rồi đến hàng phần nghìn,...

Ví dụ 1: Số 34,56

- Phần nguyên là **34**.
- Phần thập phân là **56**.
- Chữ số 5 thuộc hàng phần mười, chữ số 6 thuộc hàng phần trăm.

Ví dụ 2: Số 0,892

- Phần nguyên là **0**.
- Phần thập phân là **892**.
- Chữ số 8 thuộc hàng phần mười, chữ số 9 thuộc hàng phần trăm, chữ số 2 thuộc hàng phần nghìn.

2. Cách đọc và viết số thập phân

a. Cách đọc

Quy tắc: Đọc phần nguyên + "phẩy" + đọc phần thập phân.

Ví dụ 1: Số **12,75** đọc là "mười hai phẩy bảy mươi lăm".

Ví dụ 2: Số **0,109** đọc là "không phẩy một trăm linh chín".

b. Cách viết

Quy tắc: Viết phần nguyên + dấu phẩy + viết phần thập phân.

Ví dụ 1: "Năm mươi sáu phẩy hai mươi ba" viết là **56,23**.

Ví dụ 2: "Không phẩy không trăm linh bảy" viết là **0,007**.

3. So sánh hai số thập phân

Để so sánh hai số thập phân, chúng ta thực hiện theo các bước sau:

1. **Bước 1:** So sánh phần nguyên của hai số đó. Số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.
2. **Bước 2:** Nếu phần nguyên của hai số đó bằng nhau, ta so sánh phần thập phân, lần lượt từ hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn,... cho đến khi tìm được cặp chữ số ở cùng một hàng khác nhau. Chữ số nào lớn hơn thì số thập phân chứa chữ số đó lớn hơn.
3. **Bước 3:** Nếu phần nguyên và phần thập phân của hai số đó bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.

Ví dụ 1: So sánh **45,8** và **43,99**

Ta so sánh phần nguyên: $45 > 43$. Vậy **$45,8 > 43,99$** .

Ví dụ 2: So sánh **18,62** và **18,7**

Phần nguyên bằng nhau (đều là 18). Ta so sánh phần thập phân:

- Ở hàng phần mười, ta có 6 7.
- Vậy **$18,62 < 18,7$** .

II. Ứng dụng thực tế: Đọc hiểu thông tin trên nhãn thực phẩm

Bây giờ, chúng ta sẽ áp dụng kiến thức vừa ôn tập vào một việc rất thực tế. Khi đi siêu thị, các em sẽ thấy trên bao bì sản phẩm nào cũng có một bảng gọi là "Thông tin dinh dưỡng" (Nutrition Facts). Các con số trong bảng này hầu hết là số thập phân đấy!

1. Các thông số dinh dưỡng thường gặp

Dưới đây là bảng giải thích một số thông số quan trọng mà các em thường thấy:

Tên thông số	Đơn vị thường dùng	Ý nghĩa	Ví dụ trên nhãn
Năng lượng (Energy)	kcal	Cung cấp năng lượng cho cơ thể hoạt động.	120,5 kcal
Chất béo (Fat)	g (gam)	Cần thiết cho cơ thể nhưng nên ăn ở mức độ vừa phải.	4,5 g
Carbohydrate (Chất bột đường)	g (gam)	Nguồn năng lượng chính của cơ thể. Bao gồm cả đường và tinh bột.	25,8 g
Đường (Sugars)	g (gam)	Một dạng của Carbohydrate. Ăn nhiều đường không tốt cho sức khỏe.	15,2 g
Chất đạm (Protein)	g (gam)	Giúp xây dựng cơ bắp và các tế bào trong cơ thể.	8,1 g
Natri (Sodium)	mg (miligam)	Thành phần chính của muối. Ăn nhiều muối cũng không tốt.	150,5 mg

2. Phân tích một ví dụ cụ thể

Giả sử chúng ta có thông tin dinh dưỡng trên một hộp sữa tươi 180ml như sau:

Thông tin dinh dưỡng (trên 100ml)

- Năng lượng: **70,5 kcal**
- Chất béo: **3,6 g**
- Chất đạm: **3,0 g**
- Carbohydrate: **6,5 g**
- Natri: **40,2 mg**

Bây giờ, chúng ta hãy cùng đọc và hiểu các con số này nhé:

• Đọc các số liệu:

- Năng lượng: "bảy mươi phẩy năm ki-lô-ca-lo".
- Chất béo: "ba phẩy sáu gam".
- Natri: "bốn mươi phẩy hai mi-li-gam".

• So sánh các chất:

- So sánh lượng Carbohydrate (6,5 g) và Chất béo (3,6 g):

Ta thấy phần nguyên $6 > 3$. Vậy lượng Carbohydrate nhiều hơn lượng chất béo. **$6,5 > 3,6$** .

- So sánh lượng Chất béo (3,6 g) và Chất đạm (3,0 g):

Phần nguyên bằng nhau (là 3). Ta so sánh hàng phần mười: $6 > 0$. Vậy

lượng chất béo nhiều hơn lượng chất đạm. **3,6 > 3,0**.

III. Bài tập vận dụng

Hãy cùng làm một vài bài tập nhỏ để củng cố kiến thức nhé!

Bài 1: Đọc và Viết

Dựa vào nhãn của một gói bánh quy có các thông số sau:

- Chất béo: **8,5 g**
- Đường: **12,25 g**

a) Hãy đọc thành lời khối lượng của Chất béo và Đường.

b) Một loại bánh khác có khối lượng đường là "mười hai phẩy năm gam". Hãy viết số thập phân đó.

Đáp án:

a) 8,5 g đọc là "tám phẩy năm gam". 12,25 g đọc là "mười hai phẩy hai mươi lăm gam".

b) "Mười hai phẩy năm gam" viết là **12,5 g**.

Bài 2: So sánh thông số

Hai loại ngũ cốc A và B có lượng đường trên mỗi khẩu phần ăn như sau:

- Ngũ cốc A: **9,8 g** đường
- Ngũ cốc B: **9,75 g** đường

Hỏi loại ngũ cốc nào có lượng đường ít hơn?

Đáp án:

Ta so sánh hai số thập phân 9,8 và 9,75.

- Phần nguyên bằng nhau (đều là 9).
- So sánh hàng phần mười: $8 > 7$.
- Vậy $9,8 > 9,75$.

Kết luận: Loại ngũ cốc B có lượng đường ít hơn.

Bài 3: Tính toán đơn giản

Trên nhãn một hộp sữa chua ghi rằng lượng Canxi là **110,5 mg** và lượng Kali là **150,0 mg**.

Hỏi tổng lượng Canxi và Kali trong hộp sữa chua đó là bao nhiêu miligam?

Đáp án:

Để tính tổng, ta thực hiện phép cộng hai số thập phân:

$$110,5 + 150,0 = 260,5$$

Vậy, tổng lượng Canxi và Kali là **260,5 mg**.

Qua bài học này, các em đã thấy số thập phân không hề khô khan mà rất gần gũi phải không nào? Từ nay, hãy tập thói quen đọc nhãn thực phẩm để trở thành những người tiêu dùng thông thái và chăm sóc sức khỏe cho bản thân và gia đình nhé!